

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Lê Văn Danh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:** Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà N Hoàng Đạo T, phường Y, Thành phố Hà Nội (Tòa nhà N Hoàng Đạo T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng H: Ông Trang Hữu Đ - Cán bộ phòng khách hàng Doanh nghiệp và Cá nhân.

Địa chỉ liên hệ: Số F V, phường P, thành phố Cần Thơ (số F V, Khóm D, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũ), văn bản ủy quyền ngày 02/7/2025 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Văn D, sinh ngày 18/02/1973 (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị K, sinh ngày 26/11/1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Áp A, xã H, thành phố Cần Thơ (ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 14 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn Ngân hàng H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K có vay tiền của Ngân hàng H – Chi nhánh S theo hợp đồng tín dụng số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017, thời hạn vay 05 năm (60 tháng, từ ngày 29/9/2017 đến ngày 29/9/2022), số tiền vay 150.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, lãi suất cho vay điều chỉnh là 10,56%/năm. Dư nợ hiện tại là 86.503.300 đồng.

Kể từ khi vay đến nay, ông D và bà K đã trả một phần gốc với số tiền 63.496.700 đồng, số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng cho Ngân hàng H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Tổng dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 86.503.300 đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 24/8/2025 là 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng.

Nay Ngân hàng H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ (Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ) xem xét giải quyết buộc ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 86.503.300 đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 24/8/2025 là 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K có vay tiền của Ngân hàng H – Chi nhánh S theo hợp đồng tín dụng số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017, thời hạn vay 05 năm (60 tháng, từ ngày 29/9/2017 đến ngày 29/9/2022), số tiền vay 150.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, lãi suất cho vay điều chỉnh là 10,56%/năm. Khi vay tiền là do ông D đứng ra ký hợp đồng nhưng vợ ông là bà Huỳnh Thị K có cùng với ông ký tên vào phương án sử dụng vốn lập ngày 25/9/2017 và cam kết trả nợ lập ngày 25/7/2024, Ngân hàng lập biên bản làm việc với ông Hồ Văn D với bà Huỳnh Thị K, thì ông D, bà K ký cam kết với Ngân hàng là “*Từ nay (ngày 25/7/2024) đến tháng 10 năm 2024 trả cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn lại tháng 11 năm 2024 sẽ trả 50% vốn của khoản vay*”. Tính đến hết ngày 24/8/2025, ông D, bà K còn nợ Ngân hàng số tiền vay vốn gốc còn nợ là 86.503.300 đồng; số tiền lãi 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng. Hiện nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông D xin trả nợ dần cho Ngân hàng cho đến khi dứt nợ.

Đối với bị đơn bà [Huỳnh Thị K](#): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 91/TB-TLVA ngày 21 tháng 5 năm 2025, tổng đạt hợp lệ cho bà [Huỳnh Thị K](#), nhưng bà [Huỳnh Thị K](#) không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà [Huỳnh Thị K](#) để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 09/7/2025, bà [Huỳnh Thị K](#) vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà [Huỳnh Thị K](#) trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông [Hò Văn D](#) đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, [Ngân hàng H](#) căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017, giữa bên cho vay là [Ngân hàng H](#) với bên vay ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) là vợ của ông [Hò Văn D](#); cùng địa chỉ [ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#). Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc, lãi suất theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Ngân hàng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của [Ngân hàng H](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy

định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà [Huỳnh Thị K](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà [Huỳnh Thị K](#).

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn yêu cầu các bị đơn ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất tính đến hết ngày 24/8/2025 theo hợp đồng tín dụng số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017, với số tiền vốn gốc còn nợ: 86.503.300 đồng và số tiền lãi là 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) trả tất nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) trả tiền vay vốn gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng (cho vay đối với cán bộ công nhân viên, người lao động) số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017 và giấy nhận nợ ngày 29/9/2017, ông [Hò Văn D](#) có vay tiền của Ngân hàng với số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong hạn 10,56%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay: Tiêu dùng gia đình. Ông [Hò Văn D](#) đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 29/9/2017. Tại phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ lập ngày 25/9/2017, thể hiện ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) là người ký vào phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ của hai vợ chồng và trong thời gian thực hiện hợp đồng vay, ông [Hò Văn D](#) có trả cho Ngân hàng vốn gốc với số tiền 63.496.700 đồng và số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng. Tính đến hết ngày 24/8/2025, ông [D](#), bà [K](#) còn nợ Ngân hàng số tiền vay vốn gốc còn nợ là 86.503.300 đồng; số tiền lãi 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng. Trong quá trình vay, do ông [Hò Văn D](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên ngày 25/7/2024, Ngân hàng lập biên bản làm việc với ông [Hò Văn D](#) với bà [Huỳnh Thị K](#) (vợ ông [Hò Văn D](#)), thì ông [D](#), bà [K](#) ký cam kết với Ngân hàng là “*Từ nay (ngày 25/7/2024) đến tháng 10 năm 2024 trả cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn lại tháng 11 năm 2024 sẽ trả 50% vốn của khoản vay*”. Ngoài ra, mục đích vay của hợp đồng tín dụng số 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017 là tiêu dùng gia đình. Do đó, [Ngân hàng H](#) khởi kiện yêu cầu ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) có nghĩa vụ cùng trả nợ cho Ngân hàng đối với số tiền vay vốn gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng còn nợ là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông [Hò Văn D](#) thừa nhận, ông [D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) có vay tiền của [Ngân hàng H](#) – [Chi nhánh S](#) theo hợp đồng tín dụng

số: 206.23/17/HĐCV ngày 29/9/2017, thời hạn vay 05 năm (60 tháng, từ ngày 29/9/2017 đến ngày 29/9/2022), số tiền vay 150.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, lãi suất cho vay điều chỉnh là 10,56%/năm. Khi vay tiền là do ông [D](#) đứng ra ký hợp đồng nhưng vợ ông là bà [Huỳnh Thị K](#) có cùng với ông ký tên vào phương án sử dụng vốn lập ngày 25/9/2017 và cam kết trả nợ lập ngày 25/7/2024, Ngân hàng lập biên bản làm việc với ông [Hò Văn D](#) với bà [Huỳnh Thị K](#), thì ông [D](#), bà [K](#) ký cam kết với Ngân hàng là “*Từ nay (ngày 25/7/2024) đến tháng 10 năm 2024 trả cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn lại tháng 11 năm 2024 sẽ trả 50% vốn của khoản vay*”. Tính đến hết ngày 24/8/2025, ông [D](#), bà [K](#) còn nợ Ngân hàng số tiền vay vốn gốc còn nợ là 86.503.300 đồng; số tiền lãi 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, Hội đồng xét xử công nhận các bị đơn còn nợ [Ngân hàng H1](#) đến hết ngày 24/8/2025 với số tiền vay vốn gốc còn nợ là 86.503.300 đồng; số tiền lãi 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 155.145.889 đồng là sự thật.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông [Hò Văn D](#) trình bày: Hiện nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông [D](#) xin trả nợ dần cho Ngân hàng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông [D](#).

[7] Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”; theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật”. Do ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) không trả được nợ đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) trả tiền vốn gốc và lãi suất là có căn cứ.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu các bị đơn ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay vốn gốc 86.503.300 đồng; số tiền lãi là 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi phải trả: 155.145.889 đồng.

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (do Ngân hàng đã tính lãi đến hết ngày 24/8/2025 nên ngày tính lãi tiếp theo của hợp đồng là từ ngày 25/8/2025) các bị đơn ông [Hò Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) còn phải tiếp tục chịu

khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của [Ngân hàng H](#) thì lãi suất mà ông [Hồ Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải tiếp tục thanh toán cho [Ngân hàng H](#) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của [Ngân hàng H](#).

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm:

[11.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông [Hồ Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 7.757.294 đồng (ông [Hồ Văn D](#) phải nộp 3.878.647 đồng, bà [Huỳnh Thị K](#) phải nộp 3.878.647 đồng).

[11.2] Nguyên đơn [Ngân hàng H](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.695.952 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005978 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng H](#) về yêu cầu trả số tiền vay vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đối với các bị đơn ông [Hồ Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#).

2. Xử buộc các bị đơn ông [Hồ Văn D](#) và bà [Huỳnh Thị K](#) phải trả cho nguyên đơn [Ngân hàng H](#) số tiền vay vốn gốc 86.503.300 đồng và số tiền lãi là 68.642.589 đồng (lãi trong hạn 46.710.257 đồng + lãi quá hạn 51.915.821 đồng – số tiền lãi đã trả 29.983.489 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi phải trả: 155.145.889

đồng (một trăm năm mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (do Ngân hàng đã tính lãi đến hết ngày 24/8/2025 nên ngày tính lãi tiếp theo của hợp đồng là từ ngày 25/8/2025) các bị đơn ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng H thì lãi suất mà ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng H.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị K phải chịu 7.757.294 đồng (ông Hồ Văn D phải nộp 3.878.647 đồng, bà Huỳnh Thị K phải nộp 3.878.647 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.695.952 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005978 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GD, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn